

Số: 110/2026/QĐST-DS

Quảng Trị, ngày 18 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 59, Điều 61, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2026 về việc
các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự
thụ lý số: 174/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Tranh
chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành
về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các
đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đậu Thị Thanh H; sinh năm 1985; Căn cước công dân
số: 040185001933. Nơi cư trú: Số I đường T, Tổ H, phường L, thành phố Đà
Nẵng;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Phạm Văn T, sinh năm
1992; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ: Số nhà G, thôn D, xã P,
thành phố Hà Nội;

- Bị đơn: Anh Võ Anh Q, sinh năm 1984. Căn cước công dân số:
044084002964. Nơi cư trú: Thôn D (trước đây là T), xã T, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về phương án thoả thuận phân chia tài sản. Đại diện ủy quyền của chị
Đậu Thị Thanh H và anh Võ Anh Q thống nhất như sau: Chia thửa đất thửa đất
số 461 tờ bản đồ 04, Địa chỉ thửa đất: Thôn D, xã T, tỉnh Quảng Trị) Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền
với đất có số phát hành số BT 324871; Số vào sổ cấp GCN CH01341; Diện
tích 428.0m²; Đất ở 200.0m² và đất trồng cây lâu năm 228.0m² chia theo hiện
trạng sử dụng đất như sau:

+ Giao chị Đậu Thị Thanh H được sở hữu, sử dụng 153,8 m² ; trong đó có 100 m² đất ở và 53.8 m² đất trồng cây HNK. Có tứ cạnh như sau: Phía Tây Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 461 tờ bản đồ 04, kích thước 33,17 m² (từ điểm 13-14); Phía Đông Bắc giáp thửa 460, kích thước 4,89 m (từ điểm 8-13); phía Đông Nam giáp thửa 469, kích thước 33,32 m² (từ điểm 8-10); Phía Tây Nam giáp đường giao thông, kích thước 4,37 m (từ điểm 10-14). Có trị giá: 177.660.000 đồng. Chị Đậu Thị Thanh H được quyền sử dụng ngôi nhà quán trên đất diện tích 35,1 m². (Có sơ đồ kèm theo).

Chị H được nhận số tiền chênh lệch giá trị tài sản 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) từ anh Võ Anh Q.

+ Giao anh Võ Anh Q được sở hữu, sử dụng 207,2 m²; trong đó có 100 m² đất ở và 107,2 m² đất trồng cây HNK. Có tứ cạnh như sau: Phía Tây Bắc giáp đập thủy Lợi (từ điểm 2-4-5), kích thước 33,08 m; Phía Đông Bắc giáp thửa 460, kích thước 7,12 m (từ điểm 5-13); phía Đông Nam giáp phần đất còn lại của thửa 461 tờ bản đồ 04, kích thước 33,17 m² (từ điểm 13-14); Phía Tây Nam giáp đường giao thông, kích thước 5,18 (từ điểm 2-14). Có trị giá 215.040.000 đồng Anh Võ Anh Q được quyền sử dụng ngôi nhà 01 tầng trên đất có diện 108,7 m². (Có sơ đồ kèm theo)

- Anh Võ Anh Q có trách nhiệm giao cho chị Đậu Thị Thanh H 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền chênh lệch giá trị tài sản.

Chị Đậu Thị Thanh H và anh Võ Anh Q được quyền quản lý, sử dụng đất theo ranh giới và diện tích đã thỏa thuận và có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) do anh chị thống nhất thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Chị Đậu Thị Thanh H và anh Võ Anh Q thống nhất chị Đậu Thị Thanh H chịu chi phí tố tụng 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng), chị H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

- Về án phí chia tài sản chung:

+ Chị Đậu Thị Thanh H chịu án phí chia tài sản chung số tiền là 5.941.500 đồng (Năm triệu chín trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng), (177.660.000 đồng + 60.000.000đồng = 237.660.000 đồng x 2,5%) nhưng được khấu trừ vào số tiền 32.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền số 0002748 ngày 10/6/2026, chị

H được hoàn trả lại số tiền 26.758.500 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng).

+ Anh Võ Anh Q chịu án phí chia tài sản chung số tiền là 5.376.000 đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). (215.040.000 đồng x 2,5%).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 4, tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Mạnh Cường